

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi đồng 1 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **“MUA SẮM HÀNG HÓA – HÓA CHẤT, SINH PHẨM, THUỐC THỬ VÀ CHẤT HIỆU CHUẨN IN VITRO CỦA BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 NĂM 2024”** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng 1
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Người nhận: Dương Phan Trung Tâm;
 - SĐT người nhận: 0919923377;
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Thực hiện gửi hồ sơ chào giá bản giấy (có đóng dấu và ký tên) và bản điện tử (file word/excel + File PDF scan từ bản giấy có đóng dấu và ký tên) về địa chỉ sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật Tư Trang Thiết Bị Y Tế - Cửa sổ Văn thư - Bệnh viện Nhi Đồng 1, số 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Tp. HCM;

- Nhận qua email: p.vtttb@nhidong.org.vn

Cấu trúc tên email như sau: **[BÁO GIÁ HC] - [“MUA SẮM HÀNG HÓA – HÓA CHẤT, SINH PHẨM, THUỐC THỬ VÀ CHẤT HIỆU CHUẨN IN VITRO CỦA BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 NĂM 2024”] – [TÊN CÔNG TY]**

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày tháng năm 2024 đến trước 17h ngày tháng năm 2024 hoặc đến khi Bệnh viện đủ điều kiện trình Dự toán gói thầu.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ đăng thông báo chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, hóa chất, thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): *theo phụ lục đính kèm*

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nhi Đồng 1, số 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Tp. HCM.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: theo quy định của Luật Thương mại.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau: Vui lòng quét QR để nhận

Form .

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) và các tài liệu khác theo yêu cầu của **Biểu mẫu chào giá** (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

+ Bảng kê/ phụ lục thông tin hàng hóa, bảng tính năng kỹ thuật trang thiết bị y tế theo Thư chào giá – **Biểu mẫu và hướng dẫn** (chi tiết theo **Bảng kê chi tiết thông tin hàng hóa**).

+ Các căn cứ xác định giá tương tự của hàng hóa: quyết định trúng thầu/hợp đồng tương tự của loại hàng hóa/dịch vụ tương tự (tương đồng gần nhất với yêu cầu chào giá của loại hàng hóa/dịch vụ mà công ty/nhà thầu tham gia chào giá).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VT, TBYT (NTH, 1b).

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐÌNH NGUYỄN

PHỤ LỤC: BIỂU MẪU CHÀO GIÁ BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy

ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

✓

Tên công ty
Địa chỉ theo GPĐKKD
MST - SĐT - FAX

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÔNG TIN HÀNG HÓA

Kính gửi:
Địa chỉ:
Cần cứ yêu cầu báo giá gói thầu: [GHI NỘI DUNG GÓI THẦU THEO YÊU CẦU BÁO GIÁ] ngày [GHI NGÀY CỦA YÊU CẦU BÁO GIÁ]
Cần cứ nhu cầu và khả năng cung cấp hàng hóa
Công ty: (sau đây gọi tắt là Công ty)
Người lập: SĐT liên hệ:

Công ty chúng tôi gửi bảng kê hàng hóa đính kèm báo giá chi tiết như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Mã hàng hóa theo quy định (HKKH, Quản lý TTBVT)	Mã HS	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Tình năng kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Hạng/nước của xe	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Quy cách theo đơn vị tính nhà sản	KSA năng suất công tác hàng hóa	Đơn giá báo giá (à theo đơn vị tính theo yêu cầu)	Giá công khai kết quả TT (theo 2 năng lực quản lý công khai kết quả minh bạch)	Số KH/CHYT (theo quy định)	Số thông báo mời thầu (theo quy định)	Giá kê khai trên công (nếu có)	Link kê khai trên VT-TTBVT)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Thông tin cơ bản của báo giá (tham khảo):

VAT, phí và các khoản phát sinh chi phí khác (nếu có)
Bảo hành
Hiệu lực

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm
Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
"Ký tên đóng dấu"

Ghi chú

- (2) STT theo thư mời chào giá (Vật tư tiêu hao - Hóa chất xé nghiệm - LK, PK theo mẫu)
- (3) Mã nhóm theo QĐ 5086/QĐ-BYT, phân loại quốc tế, mã Phân mềm, các loại mã khác nếu có
- (7) Đối với TBT: Ghi cấu hình - thành phần của hàng hóa, Tình năng kỹ thuật theo bản phụ lục đính kèm
- (15) Số lượng cung ứng theo tháng - thời hạn đáp ứng được, số lượng máy móc, TBT, vật tư có thể cung cấp cho Dự án đang chào giá
- (16) Đơn giá báo giá (đã bao gồm VAT) (theo đơn vị tính cột 13)

**PHỤ LỤC: MUA SẴM HÀNG HÓA – HÓA CHẤT, SINH PHẨM, THUỐC THỬ VÀ CHẤT HIỆU CHUẨN IN VITRO CỦA
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 NĂM 2024**

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Javel 1 lít	Pha hóa chất	Lít	5
2	Sodium hydrosulfite	Hình thức : dạng bột Hàm lượng $\geq 82.5\%$ Độ pH : 7-9 Hàm lượng kim loại nặng : $\leq 0.002\%$	Chai	4
3	Gel điện di đậm sử dụng trên máy điện di tự động	Bộ kit gồm gel và hoá chất dùng để thực hiện xét nghiệm điện di đậm.	Gói	15
4	Dụng cụ lấy mẫu sử dụng trên máy điện di tự động	Là vật tư bằng kim loại tráng bạc dùng để chấm mẫu khi làm điện di.	Cái	160
5	Panel nhiệt độ chuẩn cho máy	Panel dùng để chuẩn máy dùng trong y tế, tinh sạch, được đóng gói kín. Đạt thông số theo yêu cầu của nhà sản xuất	Panel	1
6	Bộ đo độ đục chuẩn định danh kháng sinh đồ	- Dùng để hiệu chuẩn máy đo độ đục - Mỗi bộ gồm 4 nồng độ chuẩn: 0.25, 0.5, 1.0, 4.0 McF	Bộ	2
7	Chỉ thị kháng sinh đồ AST indicator	"- Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Redox indicator <3g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C."	Lọ	12
8	Panel KSD Gram âm có CPO	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi . - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist.	Panel	100
9	Panel định danh và kháng sinh đồ Gram âm có CPO	"-Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi . - Các cơ chất hoá sinh bao gồm:l-phenylalanine-amc, 4mu-n-acetyl-bd-glucosaminide, l-glutamic acid-amc, l-tryptophan-amc, l-pyrogutamic acid-amc, l-proline-amc, l-arginine-amc, arginine-arginine-amc, glycine-amc, l-leucine-amc, lysine-alanine-amc, glutaryl-glycine-arginine-amc, glycine-proline-amc, colistin, polymyxin b, d-mannitol, citrate, acetate, adonitol, malonate, alpha-ketoglutaric acid, tiglic acid, fluorescent positive control, l-proline-na, gamma-l-glutamyl-na, bis (pnp) phosphate, pnp-bd-glucoside, beta-allose, n-acetyl-galactosamine, n-acetyl-glucosamine, sorbitol, sucrose, galacturonic acid, maltulose, l-rhamnose, beta-gentiobiose, dextrose, d-galactose, d-fructose, d-gluconic acid, d-melibiose, l-arabinose, methyl-b-glucoside, ornithine, urea, esculin; - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Phenicol, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Nitrofurantoin, Glycylcycline, Folate Antagonist, - Phát hiện các vi khuẩn sinh men carbapenemase (CPO): Enterobacteriaceae, Acinetobacter và Pseudomonas trong vòng 6 -11 giờ. - Có kháng sinh Ceftazidime/Avibactam - Bảo quản ở 15 - 25°C."	Panel	300
10	Panel định danh và KSD Gram dương	- Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Chứa 136 giếng hóa chất bao gồm: 51 giếng phần định danh (45 giếng cơ chất sinh hóa khô và 2 giếng chất đối chứng huỳnh quang) và 85 giếng phần kháng sinh đồ (84 giếng hóa chất + 1 giếng huỳnh quang kiểm chuẩn).	Panel	300

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	Panel KSD Gram dương	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides Lincosmides Streptogramins, Phenicol, Quinolone, Tetracycline, Fosfomycin, Fusidane, Oxazolidinone, Pseudomonic acid, Nitrofurantoin, Glycopeptide, Ketolide, Glycylcycline, Folate Antagonist.. - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Panel	100
12	Canh trường định danh - id broth	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm trong xét nghiệm định danh và xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương và vi nấm - Thành phần (công thức trên 1 Lit nước tinh khiết): 7.5g Potassium chloride, 0.5g Calcium chloride, 0.895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0.025% - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Ống	1000
13	Canh trường làm kháng sinh đồ-ast broth	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Thành phần: (công thức trên 1 Lit nước tinh khiết): 22g Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80 0.01%. - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Ống	1000
14	PCR chẩn đoán HSV	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện định type HSV1/HSV2, sử dụng trên máy Real-time PCR - Thành phần bộ kit: dạng đông khô (lyophilized), từng tube. +Chứng dương: 1 ống, 1ml/ống +Ready Master Mix (lyophilized): 96 test (12 strip x 8 tubes) - Nhiệt độ bảo quản : 2-8 °C - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100% - Chạy được nhiều loại xét nghiệm khác nhau cùng một lần chạy - Bộ kit mở: dùng được trên các máy real-time PCR khác nhau: RealLine Cycloer, Qiagen Rotor Gene q MDX, Biorad CFX96, Roche LightCycler, ABI 7500/7500Fast...	Test	1750
15	Chai cấy máu nhi	- Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật hiếu khí từ mẫu máu bệnh nhi và các mẫu máu khác có thể tích dưới 3mL. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang.	Chai	18000
16	Tube 2ml ren ngoài giữ chủng VK	Giữ được trong tủ âm sâu	Cái	2500
17	Mẫu ngoại kiểm tra vi sinh lâm sàng	Vi sinh vật gram dương/âm, chi và loài thử, độ nhạy với kháng sinh.	ống	6
18	KHT Salmonella Vi	- Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. - Bảo quản ở 2-10°C - Đóng gói: Lọ/2ml	lọ	5
19	KHT Shigella Boydi	- Kháng huyết thanh định danh Shigella boydii. - Bảo quản ở 2-10°C - Đóng gói: Lọ/2ml - Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt thông số theo yêu cầu của nhà sản xuất	lọ	5
20	KHT Shigella Dysenteriae	- Kháng huyết thanh định danh Shigella dysenteriae. - Bảo quản ở 2-10°C - Đóng gói: Lọ/2ml - Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt thông số theo yêu cầu của nhà sản xuất	lọ	5

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
21	KHT Shigella Flexneri	Kháng huyết thanh định danh Shigella flexneri. - Bảo quản ở 2-10°C - Đóng gói: Lọ/2ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Đạt thông số theo yêu cầu của nhà sản xuất	lọ	5
22	KHT Sonnei	Kháng huyết thanh định danh Shigella sonnei. - Bảo quản ở 2-10°C - Đóng gói: Lọ/2ml - Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt thông số theo yêu cầu của nhà sản xuất	lọ	5
23	Water Molecular W4502 hoặc tương đương	Nước cất tinh khiết dành cho Sinh Học Phân Tử	Chai	1
24	Panel chẩn đoán nhiễm trùng huyết (Blood Culture Identification Panel 2)	- Panel nhiễm trùng huyết (Blood Culture Identification 2 (BCID2)) là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên axit nucleic đa mỗi định tính được thiết kế có khả năng phát hiện và xác định đồng thời nhiều axit nucleic của vi khuẩn và nấm men đồng thời lựa chọn các yếu tố quyết định di truyền mang đặc tính kháng kháng sinh. Xét nghiệm BCID 2 được tiến hành trực tiếp trên các mẫu cấy máu được một hệ thống cấy máu theo dõi liên tục xác định là dương tính '- có thể phát hiện 43 tác nhân gây bệnh gồm Vi khuẩn, Virus, nấm men và các gen kháng thuốc '- Thành phần trong bộ kit bao gồm: + Các ống tiêm Sample Buffer (Chất đệm mẫu) (1,0 mL) sử dụng một lần + Hydration Injection Vials (Lọ tiêm hydrat hóa) nạp sẵn sử dụng một lần (1,5 mL) (màu xanh dương) + Sample Injection Vial (Lọ tiêm mẫu) sử dụng một lần (màu đỏ) + Transfer Pipette (Ống hút chuyển) được đóng gói riêng '- Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/30 test Độ nhạy: 99% Độ đặc hiệu: 99.8% '- Hộp hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ từ 15-25°C. Đạt các thông số và được thẩm định của nhà sản xuất (Validation)	Test	65
25	Bộ KIT phát hiện tác nhân gây viêm màng não (ME)	Panel viêm não/viêm màng não (Meningitis/Encephalitis (ME)) là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên axit nucleic đa mỗi định tính được thiết kế có khả năng phát hiện và xác định đồng thời nhiều axit nucleic của vi khuẩn, virus và nấm men trực tiếp từ mẫu bệnh phẩm dịch não tủy (CSF) có thể phát hiện 14 tác nhân gây bệnh gồm Vi khuẩn và Virus và nấm. '- Thành phần đi kèm trong bộ kit: + Các ống tiêm Sample Buffer (Chất đệm mẫu) (1,0 mL) sử dụng một lần + Các Hydration Injection Vial (Lọ tiêm hydrat hóa) nạp sẵn sử dụng một lần (1,5 mL) (màu xanh dương) + Sample Injection Vial (Lọ tiêm mẫu) sử dụng một lần (màu đỏ) + Transfer Pipette (Ống hút chuyển) được đóng gói riêng Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/30 test Hộp hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ từ 15-25°C Độ nhạy: 94.2% Độ đặc hiệu: 99.8% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE, FDA. Đạt các thông số và được thẩm định của nhà sản xuất (Validation)	Test	11

✓

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
26	Bộ KIT phát hiện tác nhân gây bệnh đường tiêu hóa (GI)	Panel nhiễm trùng đường tiêu hóa(Gastrointestinal (GI))là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên axit nucleic đa mỗi định tính được thiết kế có thể phát hiện và xác định đồng thời axit nucleic từ các vi khuẩn, virus, và ký sinh trùng trực tiếp từ các mẫu phân trong môi trường vận chuyển Cary Blair lấy từ những cá nhân có dấu hiệu và/hoặc triệu chứng nhiễm trùng đường tiêu hóa có thể phát hiện 22 tác nhân gây bệnh gồm Vi khuẩn, ký sinh trùng và nấm. • Thành phần trong bộ kit hóa chất: + Các ống tiêm Sample Buffer (Chất đệm mẫu) (1,0 mL) sử dụng một lần + Các Hydration Injection Vial (Lọ tiêm hydrat hóa) nạp sẵn sử dụng một lần (1,5 mL) (màu xanh dương) + Sample Injection Vial (Lọ tiêm mẫu) sử dụng một lần (màu đỏ) + Transfer Pipette (Ống hút chuyển) được đóng gói riêng Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/30 test Hộp hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ từ 15-25oC Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485/ CE, FDA. Đạt các thông số và được thẩm định của nhà sản xuất (Validation)	Test	12
27	Panel chẩn đoán bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới (PNPlus)	Panel nhiễm trùng hô hấp dưới (Pneumonia Plus Panel) là xét nghiệm axit nucleic đa mỗi được thiết kế nhằm đồng thời xác định và phát hiện định tính nhiều axit nucleic của virus và vi khuẩn đường hô hấp dưới trong các mẫu phế quản (BAL), mẫu đàm thu được từ các cá nhân nghi ngờ bị nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới. Có thể phát hiện 34 tác nhân gây bệnh gồm Vi khuẩn, Virus và dấu hiệu kháng kháng sinh. • Thành phần trong bộ kit hóa chất: + Các ống tiêm Sample Buffer (buffer mẫu) (1.0 mL) sử dụng một lần + Các Hydration Injection Vial (Lọ tiêm hydrat hóa) nạp sẵn sử dụng một lần (1,5 mL) (màu xanh dương) + Sample Injection Vial (Lọ tiêm mẫu) sử dụng một lần (màu đỏ) + Sample Swabs (Que khuấy mẫu) đóng gói riêng •Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp/30 test • Hộp hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ từ 15-25oC • Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt các thông số và được thẩm định của nhà sản xuất (Validation)	Test	60
28	5-(4-Dimethylaminobenzylidene)-rhodanine	Nồng độ: (of S): $\geq 98.0 \%$ Công thức: $C_{12}H_{12}N_2OS_2$ Identity (IR): passes test Substance insoluble in Aceton: passes test Suitability for silver determination: passes test MW 264.37 g/mol	Chai	1
29	Chromotrop 2R hoặc tương đương	Thành phần hàm lượng thuốc nhuộm, $\geq 70\%$ Độ tan H₂O: 1 mg/mL, dark red $\epsilon_{max} \geq 450$ at 510-513 nm trong methanol	Chai	3
30	Decalcifying Solution-Lite hoặc tương đương	Dùng để khử canxi cho các mẫu lõi tủy xương, hóa mô miễn dịch và tủy xương	Chai	2
31	Light green SF yellowish hoặc tương đương	Công thức: $C_{37}H_{34}N_2O_9S_3Na_2$ Độ nóng chảy : 288 °C Trọng lượng: 792,86g/mol	Chai	2
32	Neutral red	Hàm lượng thuốc nhuộm (spectrophotometrically): $\geq 75 \%$ Transition range: pH 6.8 - pH 8.0 Violet red - orange yellow Hao hụt khi sấy (110 °C): $\leq 18 \%$	Chai	1
33	Kháng thể PHOX2B	Kháng thể từ thỏ dòng EP312 Isotype IgG. Dạng pha sẵn	Lọ	2
34	Sudan Black B hoặc tương đương	Certified by the Biological Stain Commission Wave length 596-603 nm in ethanol Carbon khoảng 68,0-77,0% Nitrogen khoảng 15,0-19,0% Extinction Coefficient ≥ 20000	Chai	1

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	TFE1 (BSB 142) MMab BioSB hoặc tương đương	Kháng thể từ chuột dòng BSB-142 Isotype IgG1/K. Dạng pha sẵn	Lọ	1
36	Clear Rite 3 - Chất thay thế Xylen hoặc tương đương	- Là hỗn hợp Hydrocarbon béo và Isoparafinic để xử lý mô và nhuộm mô - Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô - Giúp cho quá trình khử parafin được hoàn thiện và lam nhuộm trong suốt - Không làm cho mẫu bị khô cứng khi phơi nhiễm kéo dài - Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động	Chai	24
37	Kháng thể CD20cy cô đặc	Dùng trong chẩn đoán in vitro Kháng thể đơn dòng CD20 dòng L2 dạng cô đặc 1ml, được sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Dấu ấn đánh dấu các tế bào của dòng tế bào B, và là một công cụ rất hữu ích cho việc phân loại các tế bào ung thư của nguồn gốc tế bào B. Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3 -độ pha loãng 1:200 – 1:400	Lọ	2
38	Kháng thể Cytokeratin cô đặc	Dùng trong chẩn đoán in vitro Kháng thể đơn dòng CK AE1/AE3 dòng AE1/AE3 dạng cô đặc 1ml. Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3 -Độ pha loãng: 1:50	Lọ	2
39	Kháng thể Smooth Muscle Actin cô đặc	Dùng trong chẩn đoán in vitro Kháng thể đơn dòng SMA (Smooth Muscle Actin) dòng 1A4 dạng cô đặc 1ml, sử dụng trong hóa mô miễn dịch. Dấu ấn đánh dấu các tế bào cơ trơn, myofibroblasts và tế bào myoepithelial, và là một công cụ hữu ích cho việc xác định leiomyomas, leiomyosarcomas, và grung màng phổi pleomorphic. Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3 -độ pha loãng 1:25 – 1:50	Lọ	2
40	Kháng thể SV40 hoặc tương đương	Kháng thể từ chuột dòng Pab101 Isotype IgG2a. Dạng cô đặc, pha loãng 25-100 lần	Lọ	1
41	Hematoxylin part A+B hoặc tương đương	- Hóa chất chuyên dùng để nhuộm cho các qui trình nhuộm mô tế bào. - Thành phần: Part A: Aluminum ammonium sulfate dodecahydrate, Sodium Iodate; Part B: Aluminum ammonium sulfate dodecahydrate, Hematoxylin - Màu nhuộm từ xanh đen đến xanh nhạt tùy thuộc vào quá trình chuẩn bị - Phần A và Phần B được hoàn nguyên tạo ra 1 lít Hematoxylin	Hộp	4
42	Diệt tủy	Được sử dụng khi chuẩn bị cho quá trình diệt tủy răng và khi chế phẩm không chứa arsen được ưa chuộng hơn. Thành phần hoạt chất là Paraformaldehyde, một chất đông tụ hoạt động trên albumin và tạo độ đặc xơ cần thiết cho tủy để tạo điều kiện cho quá trình loại bỏ tiếp theo. Dạng bột nhão tác dụng nhanh và giảm đau. Dễ đặt Độ chảy lỏng phù hợp khác dung tích ống 3gram"	Ống	24
43	Thuốc tê bôi	Gel Bôi tê nước răng dùng trong nha khoa Prime - Gel là loại chế phẩm gel chứa 20% Benzocain có mùi dầu tây dùng bôi tê nước răng.	Lọ	36
44	Oxyt kẽm	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm	Chai	12
45	Xà phòng rửa tay thủ thuật, phẫu thuật chứa Chlohexidine 2%	Xà phòng rửa tay thủ thuật Chlorhexidine Gluconate 2% kl/tt, isopropanol < 10%, Fatty acid diethanolamide < 10%, Acetic acid glacial <10%	Chai 500ml	4200

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
46	Dung dịch tiền làm sạch dụng cụ phẫu thuật	-Thành phần: là dung dịch đa enzyme dùng để tiền làm sạch dụng cụ sau phẫu thuật. Có tối thiểu enzyme protease, Lipase và Amylase. Chất hoạt động bề mặt: hỗn hợp ionic, nonionic, chất chống ăn mòn. '- Dạng dung dịch. Tạo bọt sau khi xịt từ bình chứa của dung dịch. '- Sử dụng trực tiếp, không cần pha loãng. '-Bình chứa có vòi xịt dạng phun sương. '- Thời gian giữ bọt sau xịt $\geq$ 12 giờ. Hoạt tính của enzyme duy trì $\geq$ 12 giờ. Tiêu chuẩn ISO 13485, 9001 '- Mùi: không nồng, ko gây kích ứng cho người sử dụng.	Can 5L	780
47	Dung dịch vệ sinh buồng máy hấp	- Bọt tẩy rửa gốc acid để loại bỏ cặn, khoáng, rỉ sét trên bề mặt thép không gỉ của máy rửa khử khuẩn tự động và máy hấp tiệt khuẩn '- Không ảnh hưởng hoạt động tiệt khuẩn của máy - Không cần pha loãng, sử dụng trực tiếp - Thành phần: Phosphoric acid 1-5%, Amphoteric surfactant 0-1%, nitric acid $< 0.2\%$, chất chống ăn mòn $< 0.1\%$ - Tương thích với bề mặt làm bằng thép không gỉ của buồng máy tiệt khuẩn/ rửa khử khuẩn	Chai 500ml	12
48	Bộ KIT phát hiện tác nhân gây bệnh đường tiêu hóa (GI)	- Panel nhiễm trùng đường tiêu hóa (Gastrointestinal (GI)) là xét nghiệm chẩn đoán in vitro dựa trên axit nucleic đa mục đích tính được thiết kế có thể phát hiện và xác định đồng thời axit nucleic của vi khuẩn, virus và ký sinh trùng trực tiếp từ các mẫu phân trong môi trường vận chuyển Cary Blair lấy từ các cá nhân có dấu hiệu và/hoặc triệu chứng nhiễm trùng đường tiêu hóa. - Có thể phát hiện 22 tác nhân gây bệnh gồm Vi khuẩn, Virus và ký sinh trùng. - Mỗi bộ xét nghiệm có đầy đủ thuốc thử: + Túi hóa chất GI Panel được đóng gói riêng + Các ống tiêm Sample Buffer (Chất đệm mẫu) (1,0 mL) sử dụng một lần + Các Hydration Injection Vial (Lọ tiêm hydrat hóa) nạp sẵn sử dụng một lần (1,5 mL) (màu xanh dương) + Sample Injection Vial (Lọ tiêm mẫu) sử dụng một lần (màu đỏ) + Transfer Pipettes (Ống hút chuyển) được đóng gói riêng - Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 30 test - Hộp hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ từ 15-25°C Độ nhạy: 98.5% Độ đặc hiệu: 99.2%	Test	5
49	Panel chẩn đoán bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới (PN Plus)	-Panel nhiễm trùng hô hấp dưới (Pneumonia Plus Panel) là xét nghiệm axit nucleic đa mục đích tính được thiết kế có thể phát hiện và xác định đồng thời axit nucleic của virus và vi khuẩn đường hô hấp, cũng như các gen kháng kháng sinh được lựa chọn trong các mẫu đờm hoặc các mẫu dịch phế quản phế nang (BAL hoặc mini BAL) thu được từ các cá nhân nghi ngờ nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới. - Có thể phát hiện 34 tác nhân gây bệnh gồm Vi khuẩn, Virus và gen kháng kháng sinh - Mỗi bộ xét nghiệm có đầy đủ thuốc thử: + Các túi hóa chất Pneumonia Panel plus được đóng gói riêng + Các ống tiêm chứa Sample Buffer (Chất đệm mẫu) sử dụng một lần + Hydration Injection Vials (Lọ tiêm hydrat hóa) nạp sẵn sử dụng một lần (màu xanh dương) + Sample Injection Vials (Lọ tiêm mẫu) sử dụng một lần (màu đỏ) + Sample Swabs (Que khuấy mẫu) đóng gói riêng - Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 30 test - Hộp hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ từ 15-25°C Độ nhạy: 96.3% Độ đặc hiệu: 97.3%	Test	5

STT	Tên danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50	Bộ xét nghiệm IVD định tính Bordetella pertussis, Bordetella parapertussis và Bordetella bronchiseptica	Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện và phân biệt Bordetella pertussis, Bordetella parapertussis và Bordetella bronchiseptica. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: mẫu phết mũi, phết hầu họng, mẫu nuôi cấy - Tính năng kỹ thuật: + Có khả năng phát hiện gen độc tố ho gà ptxA + Độ nhạy: 500 copies/ ml; - Thành phần cung cấp (100 test/ bộ): + PCR-mix-1-FRT Bordetella: 5 x 0.2 ml + PCR-mix-2-FRT: 1 x 0.6 ml + TaqF Polymerase: 1 x 0.06 ml + Pos Control DNA Bordetella spp.(C+): 2 x 0.1 ml + Positive Control IC: 2 x 0.1 ml + TE-buffer: 2 x 0.5 ml + Negative Control (C-): 1 x 1.2 ml + Internal Control (IC): 2 x 0.6 ml	Bộ	1
51	Kháng thể IgM với virus sởi	Xét nghiệm định tính Measles IgM. Miễn dịch Hoá phát quang, hai bước, định tính. Dải đo: 0,5 - 4,0 index value hoặc tương đương	test	100
52	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Measles IgM	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Measles IgM. Dạng dung dịch hoặc tương đương	ml	2,8



